

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phước Tài.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1/. Ông Phạm Hữu Thắng.**

**2/. Ông Dư Văn Thanh.**

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Quốc Thắng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Lý Thị L, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

***- Bị đơn:*** Ông Kim Đ, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: đường T, khóm 5, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***

**+** Bà Sơn Thị Na R, (vắng mặt).

Địa chỉ: đường V, khóm 9, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

+ Ông Dương Minh C, (vắng mặt).

Địa chỉ: đường T, khóm 5, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

+ Ông Lý Văn H, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

+ Ông Thạch Phi N (vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, khóm 5, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

+ Bà Dương Mỹ P (vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, khóm 5, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

+ Ông Hàn S (vắng mặt)

Địa chỉ: đường L, khóm 4, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

+ Ông Trịnh Hữu T, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: đường T, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lý Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị L và ông Kim Đ tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 12/11/2012. Trong quá trình chung sống, đến khoảng năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm, không thể sống chung. Từ tháng 11 năm 2019 đến nay, bà L và ông Đ không còn sống chung như vợ chồng.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà L và ông Kim Đ có một (01) người con chung tên Kim Sóc C, sinh ngày 08/02/2013. Hiện nay, cháu Ch Đang sống cùng bà L.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*Nay bà Lý Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:*

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Kim Đ.

Về con chung: Sau khi ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Kim Sóc C, sinh ngày 08/02/2013. Bà L không yêu cầu ông Kim Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

*Theo tờ tường trình ngày 07/3/2022, ngày 31/3/2022 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Kim Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Kim Đ thống nhất với lời trình bày của bà Lý Thị L về thời điểm sống chung, đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình và con chung trong thời kỳ hôn nhân.

Nay ông đồng ý ly hôn với bà Lý Thị L.

Đối với con chung thì ông Kim Đ đồng ý giao cho bà Lý Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Kim Sóc C, sinh ngày 08/02/2013. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung, thì vợ chồng ông Kim Đ còn nợ bà Sơn Thị Na R, ông Dương Minh C, ông Lý Văn H, bà Dương Mỹ P và ông Hàn S, ông Thạch Phi N, ông Trịnh Hữu T. Còn phía Ngân hàng thì ông đã trả xong.

Ông đề nghị Tòa án chia đôi khoản nợ chung này mỗi người có trách nhiệm trả  $\frac{1}{2}$  số nợ chung mà ông đã trình bày.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Hữu T trình bày:*

Vào ngày 23/10/2019 ông Kim Đ và vợ là bà Lý Thị L có vay của ông T số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay là để buôn bán trái cây. Khi cho vay thì hai bên không làm giấy tờ hay biên nhận, cũng không thỏa thuận lãi suất hay thời gian thanh toán nợ. Nay, ông T chưa có yêu cầu ông Đ và bà L trả khoản nợ này. Tuy nhiên, ông cũng có ý kiến là đề nghị hai vợ chồng bà L và ông Đ sắp xếp để cùng trả nợ cho ông.

*Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị Na R trình bày:*

Vợ chồng ông Kim Đ và bà Lý Thị L có vay và nợ của bà số tiền 60.000.000 đồng. Tại thời điểm này thì bà chưa có yêu cầu ông Đ và bà L trả

khoản nợ này. Tuy nhiên, bà cũng có ý kiến là đề nghị hai vợ chồng bà L và ông Đ sắp xếp để cùng trả nợ cho bà và những người khác.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn H trình bày:*

Vợ chồng ông Kim Đ và bà Lý Thị L có vay và nợ của ông số tiền 60.000.000 đồng. Tại thời điểm này thì ông chưa có yêu cầu ông Đ và bà L trả khoản nợ này. Tuy nhiên, ông cũng có ý kiến là đề nghị hai vợ chồng bà L và ông Đ sắp xếp để cùng trả nợ cho ông.

*Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Sơn Thị Na R, ông Hàn S, ông Thạch Phi N, ông Dương Minh C và bà Dương Mỹ P, xét thấy: Bà Na R, ông S, ông N, ông C, bà P đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng là quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà theo trình tự thủ tục tố tụng, nhưng vẫn không có mặt tại phiên toà. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Lý Thị L về việc yêu cầu ly hôn với ông Kim Đ, thấy rằng: Bà L và ông Đ tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 12/11/2012, nên hôn nhân của bà L và ông Đ là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, phía nguyên đơn và bị đơn đều trình bày thống nhất nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn gia đình là do bất đồng quan điểm, không thể sống chung, mặc dù đã tự hòa giải hàn gắn nhưng không có kết quả, từ tháng 11 năm 2019 đến nay, bà L và ông Đ không còn sống chung như vợ chồng. Như vậy, những mâu thuẫn trên thể hiện được tình trạng hôn nhân của bà L và ông Đ đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được; hiện nay ông bà không còn sống chung với nhau như vợ chồng, thể hiện được cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, ông bà không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà L và ông Đ thống nhất thuận tình ly hôn. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của bà L và ông Đ.

[3] Về con chung, xét yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn của nguyên đơn bà L. Thấy rằng, cháu Kim Sóc C, sinh ngày 08/02/2013, hiện nay, đang sinh sống ổn định cùng bà L. Theo biên bản ghi ý kiến ngày 30/6/2022 thì cháu C trình bày cháu đang sống cùng mẹ là bà L, nếu trường hợp cha, mẹ cháu ly hôn thì cháu muốn sống cùng mẹ là bà L. Đồng thời, ông Đ cũng đồng ý giao cho bà Lý Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Kim Sóc C sau khi ly hôn. Thấy rằng, cháu C hiện nay đang sinh sống ổn định với bà L và cháu sức khỏe vẫn tốt, học hành bình thường. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn của bà L.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Cháu Kim Sóc C đang sống cùng bà L, hiện nay, cháu sức khỏe vẫn tốt, học hành bình thường. Trong quá trình giải quyết vụ án phía bà L không có yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con và ông Đ cũng trình bày là ông không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bà L có đủ điều kiện về kinh tế để đảm bảo nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Kim Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Kim Sóc C không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Do bà Lý Thị L và ông Kim Đ thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn ông Kim Đ cho rằng trong thời kỳ hôn nhân ông và bà Lý Thị L nợ khoản tiền tổng cộng 290.000.000 đồng và hai chỉ vàng. Cụ thể: Nợ bà Sơn Thị Na R số tiền đã vay là

60.000.000 đồng, nợ ông Lý Văn H số tiền vay là 60.000.000 đồng, nợ ông Trịnh Hữu T số tiền vay là 20.000.000 đồng, nợ ông Hàn S số tiền vay là 20.000.000 đồng, nợ ông Thạch Phi N số tiền vay là 15.000.000 đồng, nợ ông Dương Minh C 02 chỉ vàng, nợ bà Dương Mỹ P số tiền vay là 5.000.000 đồng và nợ Ngân hàng V – Chi nhánh S số tiền 110.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Đ đã thanh toán tất nợ cho Ngân hàng V – Chi nhánh S và phía Ngân hàng cũng đã có văn bản xác nhận đã thanh toán xong.

Đối với bà Na R, ông H, ông T, ông S, ông N, ông C, bà P trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án thông báo trường hợp các ông, bà có yêu cầu ông Kim Đ và bà Lý Thị L thanh toán khoản nợ đã vay thì đề nghị làm đơn yêu cầu độc lập gửi cho Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng theo quy định của pháp luật và cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Tuy nhiên, các ông, bà không làm đơn yêu cầu độc lập gửi cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì ông T, ông H và bà Na R trình bày là tại thời điểm này chưa có yêu cầu.

Mặc khác, phía nguyên đơn bà L trình bày bà và ông Đ không có nợ chung, đối với khoản nợ chung mà ông Đ trình bày thì bà không biết vì bà không có vay những người trên. Ông Đ cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện các khoản nợ mà ông trình bày là nợ chung của ông và bà L trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết các khoản nợ chung mà ông Đ đã trình bày.

Trường hợp, nếu những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Na R, ông H, ông T, ông S, ông N, ông C, bà P có yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản nợ này thì có thể làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L đồng ý chịu toàn bộ án phí dân sự về việc ly hôn. Vì vậy, căn cứ **khoản 5 Điều 27 Nghị** quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lý Thị L phải chịu án phí số tiền 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**



Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị L được ly hôn với ông Kim Đ.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Lý Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Kim Sóc C (giới tính: Nam), sinh ngày 08/02/2013. Ông Kim Đ không cấp dưỡng nuôi con cho cháu C.

Sau khi ly hôn, ông Kim Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Kim Sóc C không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lý Thị L phải chịu án phí ly hôn số tiền 150.000 đồng. Sau khi cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp theo biên lai số **0000230 ngày 09/02/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà L được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

Ông Kim Đ không phải chịu án phí.

6. Nguyên đơn bà Lý Thị L, bị đơn ông Kim Đ, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lý Văn H và ông Trịnh Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Sơn Thị Na R, ông Hàn S, ông Thạch Phi N, ông Dương Minh C và bà Dương Mỹ P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND phường 3, TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Lê Phước Tài**